

Số: 23/NQ-HĐND

Duyên Hải, ngày 19 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2019 cho các cơ quan,
ban, ngành huyện và bổ sung có mục tiêu cho các xã - thị trấn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2019 cho các sở, ban, ngành tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho UBND các huyện, thị xã thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phân bổ bổ sung và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Công văn số 1825/UBND-CNXD ngày 17/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc trang bị các phần mềm quản lý dùng chung trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phân bổ, bổ sung và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2019 cho các Sở, ban ngành tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố;

Xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2019 cho các cơ quan, ban, ngành huyện và bổ sung có mục tiêu cho các xã - thị trấn; trên cơ sở

thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2019 cho các cơ quan, ban, ngành huyện và bổ sung có mục tiêu cho các xã - thị trấn, tổng số tiền: **24.956.925.924 đồng** (Hai mươi bốn tỷ chín trăm năm mươi sáu triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm hai mươi bốn đồng), (Có bảng chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao UBND triển khai tổ chức thực hiện đúng quy định. Ban Kinh tế - Xã hội và đại biểu HĐND huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Duyên Hải khoá IX - Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 19/12/2019.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBND, UBMTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc NN huyện;
- Lãnh đạo VP;
- Thường trực HĐND, UBND xã - thị trấn;
- Lưu: VT-HĐND. 506.

CHỦ TỊCH



Phan Văn Nhận

CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019 CHO CÁC CƠ QUAN, BAN, NGÀNH HUYỆN VÀ BỔ SUNG CỘ MỨC TIÊU CHO CÁC XÃ - THỊ TRẤN
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Duyên Hải)

TT	Đơn vị	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn bổ sung									
				Nguồn chi khác ngân sách	Nguồn kết dư ngân sách	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn mua sắm, sửa chữa	Nguồn kế hoạch tình giao đầu năm (Nguồn thực hiện hỗ trợ cải tạo, trồng mới cây xanh, hỗ trợ thực hiện trong bị phần mềm)	Nguồn thu phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực TTATXH	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn tinh bổ sung có mục tiêu		
		TỔNG CỘNG	24.956.925.924	1.979.597.000	659.914.000	297.405.000	1.334.728.000	565.000.000	85.350.000	3.691.987.000	16.342.944.924		
I	CÁC ĐƠN VỊ NGÀNH HUYỆN		20.602.358.924	1.666.307.000	659.914.000	297.405.000	1.007.352.000	565.000.000	85.350.000	3.394.000.000	12.927.030.924		
1	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Kinh phí mua phần mềm (Phần mềm Tổng hợp báo cáo tài chính - Công khai ngân sách từ kho dữ liệu TABMIS số tiền 200.000.000 đồng; phần mềm Thành định, xét duyệt quyết toán theo Thông tư số 131/2017/TT-BTC số tiền 95.000.000 đồng)	295.000.000					295.000.000					
		Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, các chế độ chính sách năm 2019	37.000.000							37.000.000			
		Kinh phí mua sắm máy vi tính để bàn, máy tính xách tay, máy in	51.188.000				51.188.000						
2	Văn phòng Huyện ủy và HĐND-UBND huyện	Kinh phí giải quyết chính sách theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị định 113/2018/NĐ-CP đợt II/2019	1.455.702.410	416.440.000	-	188.405.000	29.562.000	-	-	545.000.000	276.295.410		
		Kinh phí tư vấn lập hồ sơ khoa học đề nghị công nhận xã an toàn khu xã Long Vĩnh	291.960.000								205.450.000		
		Kinh phí bầu cử Trường ban nhân dân ấp, khóm	170.845.410	100.000.000							70.845.410		
		Kinh phí hoạt động sự nghiệp của cơ quan Kiểm tra - Thanh Tra	24.480.000	24.480.000									
		Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, các chế độ chính sách năm 2019	545.000.000							545.000.000			
		Kinh phí mua sắm máy vi tính để bàn và máy tính xách tay	29.562.000				29.562.000						
3	Phòng Tư pháp huyện	Kinh phí thực hiện tuyên truyền pháp luật đợt 2 năm 2019	127.461.000	22.400.000	-	-	32.637.000	-	-	33.000.000	39.424.000		
		Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, các chế độ chính sách năm 2019	22.400.000	22.400.000									
		Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, các chế độ chính sách năm 2019	33.000.000							33.000.000			
		Kinh phí thực hiện cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc	39.424.000								39.424.000		
		Kinh phí mua sắm máy vi tính để bàn, máy in	32.637.000				32.637.000						
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	Kinh phí thanh toán các công trình đã quyết toán công trình hoàn thành	11.749.018.514	620.000.000	132.679.000	-	586.991.000	-	-	27.000.000	10.382.348.514		
		Kinh phí chi trả tiền điện tiếp sáng hệ thống chiếu sáng cầu C16, cầu đường địa, tuyến đường số 2 Khu Kinh tế Đình An	21.984.000		21.984.000								
			50.000.000	50.000.000									

ĐVT: đồng

TT	Đơn vị	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiêu nguồn bổ sung							
				Nguồn chi khác ngân sách	Nguồn kết dư ngân sách	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn mua sắm, sửa chữa	Nguồn kế hoạch tình giao đầu năm (<i>Nguồn thực hiện hỗ trợ cải tạo, trồng mới cây xanh; hỗ trợ thực hiện trang bị phần mềm</i>)	Nguồn thu phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực TTATXH	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn tình bổ sung có mục tiêu
10	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện	Kinh phí tổ chức các hoạt động vui Tết Trung thu năm 2019	209.529.000	107.392.000	-	-	60.137.000	-	-	42.000.000	-
		Kinh phí tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2019-2024 và kinh phí hoạt động của Hội bảo trợ người khuyết tật và nạn nhân chất độc da cam/dioxin huyện năm 2019	53.000.000	53.000.000	-	-	-	-	-	-	-
		Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, các chế độ chính sách năm 2019	54.392.000	54.392.000	-	-	-	-	-	-	-
		Kinh phí mua sắm máy vi tính để bàn, máy in, máy lạnh, bàn ghế làm việc, tủ hồ sơ	42.000.000	-	-	-	-	-	-	-	42.000.000
11	Hội Nông dân huyện	Kinh phí mua sắm máy vi tính để bàn, máy in, máy photocopy	60.137.000	-	-	-	60.137.000	-	-	-	-
		Kinh phí giám sát việc thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND tỉnh Trà Vinh quy định hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 đối với xã Đồn Châu	123.560.000	4.914.000	-	-	93.646.000	-	-	25.000.000	-
		Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, các chế độ chính sách năm 2019	4.914.000	4.914.000	-	-	-	-	-	-	-
12	Hội Cựu chiến binh huyện	Kinh phí mua sắm máy vi tính để bàn, máy in, máy photocopy	25.000.000	-	-	-	93.646.000	-	-	25.000.000	-
		Kinh phí giám sát việc thực hiện Nghị định số 157/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 150/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu Chiến binh tại Hội Cựu chiến binh xã Long Vĩnh	93.646.000	4.934.000	-	-	93.646.000	-	-	17.000.000	-
		Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, các chế độ chính sách năm 2019	17.000.000	-	-	-	-	-	-	17.000.000	-
13	Huyện đoàn	Kinh phí mua sắm máy vi tính để bàn, máy in, máy photocopy	93.646.000	-	-	-	93.646.000	-	-	-	-
		Kinh phí giám sát công tác quản lý nhà nước về tham niên tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hải	32.611.000	4.766.000	-	-	6.845.000	-	-	21.000.000	-
		Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, các chế độ chính sách năm 2019	4.766.000	4.766.000	-	-	-	-	-	-	-
14	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	Kinh phí mua sắm máy in	21.000.000	-	-	-	6.845.000	-	-	21.000.000	-
		Kinh phí tổ chức đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Huyện ủy-UBND huyện với hội viên đoàn thể của Hội Liên hiệp Phụ Nữ và Hội Nông dân huyện, giám sát việc thực hiện Pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình	6.845.000	22.124.000	-	-	12.896.000	-	-	25.000.000	-
		Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, các chế độ chính sách năm 2019	60.020.000	22.124.000	-	-	12.896.000	-	-	25.000.000	-
15	Phòng Dân tộc huyện	Kinh phí mua sắm máy vi tính để bàn	25.000.000	-	-	-	12.896.000	-	-	25.000.000	-
		Kinh phí tổ chức tham viếng, tặng quà nhân dịp Lễ Sene Dôlla năm 2019	12.896.000	-	-	-	12.896.000	-	-	19.000.000	-
		Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, các chế độ chính sách năm 2019	40.896.000	-	-	-	12.896.000	-	-	19.000.000	-
		Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, các chế độ chính sách năm 2019	9.000.000	-	-	9.000.000	-	-	19.000.000	-	
		Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, các chế độ chính sách năm 2019	19.000.000	-	-	-	-	-	19.000.000	-	

